TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18/02/2020
Về việc Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tăng Thị Hải Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bàn Văn Chanh và bà Nguyễn Thị Tiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lý Hoàng Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ Thị P - Sinh năm: 1995. Địa chỉ: Tiểu khu B, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn Đ - Sinh năm: 1987. Địa chỉ: Tiểu khu B, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 4, trại giam Thanh Phong, cục C10 Bộ Công an thuộc xã Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Tạ Thị P trình bày:

Tôi và anh Hà Văn Đ kết hôn với nhau vào ngày 13/01/2013. Khi kết hôn chúng tôi đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

Sau ngày kết hôn chúng tôi về sống chung với bố mẹ chồng tại tiểu khu B, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Cuộc sống của vợ chồng tôi ngay từ đầu đã không được hòa thuận hạnh phúc, đến ngày 15/7/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ chơi bời, cờ bạc, nghiện hút, đánh đập và nhiều lần dọa giết tôi, đồng thời quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau. Mâu thuẫn của chúng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Đến cuối năm 2018 thì anh Hà Văn Đ bị bắt và hiện nay đang chấp hành án tại phân trại số 4, trại giam Thanh Phong, cục C10 Bộ Công an thuộc xã Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết ly hôn cho tôi với anh Hà Văn Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 01 con chung tên là Hà Như T, sinh ngày 19/01/2014. Trường hợp ly hôn tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Hà Văn Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với tôi.

Về tài sản chung: Chúng tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chúng tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 10/01/2020, bị đơn anh Hà Văn Đ trình bày:

Anh Hà Văn Đ hoàn toàn nhất trí như ý kiến trình bày của chị P về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, đến tháng 7/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về ngôn ngữ sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, bản thân cô Phương cũng có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác. Đến tháng 9/2018 thì tôi bị bắt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xét xử 21 tháng tù giam, vợ chồng tôi sống ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, cô P có đơn xin ly hôn với tôi, tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 01 con chung tên là Hà Như T, sinh ngày 19/01/2014, hiện nay cháu đang ở với mẹ là cô Tạ Thị P. Do tôi đang phải chấp hành án tại trại giam Thanh Phong nên tôi đồng ý cho cô

Phương nuôi con. Khi tôi thi hành án xong và trở về địa phương, tôi sẽ dành lại quyền nuôi con bằng một vụ án khác.

Về tài sản chung: Chúng tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chúng tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử cho chị Tạ Thị P được ly hôn với anh Hà Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Hà Như T, sinh ngày 19/01/2014 cho chị Tạ Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hà Văn Đ. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Tạ Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 03/12/2019, chị Tạ Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc xin ly hôn giữa chị và anh Hà Văn Đ. Xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do anh Hà Văn Đ hiện đang chấp hành án tại phân trại số 4, trại giam Thanh Phong, cục C10 Bộ Công an thuộc xã Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn theo đúng quy định tại Điều 105 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời anh Hà Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Hà Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị P và anh Hà Văn Đ kết hôn với nhau vào ngày 13/01/2013. Khi kết hôn các đương sự đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, đến cuối năm 2018 thì anh Đ bị bắt và xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện anh Đ đang chấp hành án tại phân trại số 4, trại giam Thanh Phong, cục C10 Bộ Công an thuộc xã Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Xét thấy mâu thuẫn của các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Tạ Thị P và xử cho chị Tạ Thị P được ly hôn với anh Hà Văn Đ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống các đương sự có một con chung tên là Hà Như T, sinh ngày 19/01/2014. Trong quá trình lấy bản tự khai, thu thập chứng cứ giữa các đương sự và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyện vọng của chị Tạ Thị P xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Như T, sinh ngày 19/01/2014. Hiện nay anh Hà Văn Đ hiện đang chấp hành án tại phân trại số 4, trại giam Thanh Phong, cục C10 Bộ Công an thuộc xã Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên anh Hà Văn Đ cũng nhất trí giao cháu Hà Như T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về

mọi mặt cho cháu Hà Như T cần giao cháu Hà Như T cho chị Tạ Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Đối với việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng: Do anh Hà Văn Đ đang đi chấp hành án, chị Tạ Thị P cũng không yêu cầu anh Đ phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Do vậy, cần tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hà Văn Đ.

[4] Về tài sản chung: Hai anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không đề cập đến việc giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Hai anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không đề cập đến việc giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Tạ Thị P tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Tạ Thị P được ly hôn với anh Hà Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Như T, sinh ngày 19/01/2014 cho chị Tạ Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hà Văn Đ. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Tạ Thị P phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003525 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, Sơn La;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Tăng Thị Hải Oanh